TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 10 - 2019
"V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Thanh Bảo.
2. Ông Trần Trọng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Chị Trần Thị B, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nhân T, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. (Chị Trần Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Võ Quốc T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nhân T, phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019, bản tự khai ngày 13/8/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày: Chị và anh Võ Quốc T yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng T, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình (Nay là phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 10/6/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh T đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên đánh đập chị, không quan tâm đến gia đình vợ con và ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ đó chị bỏ về nhà

bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh T từ đầu tháng 7/2017 cho đến nay, từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Quốc T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Võ Trần Ngọc N, sinh ngày 12/01/2014 và Võ Trần Thục L, sinh ngày 23/11/2015 hiện nay đều đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có. Hiện tại vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với anh Võ Quốc T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo việc thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập anh đến Tòa án và Ủy ban nhân dân phường Quảng T nhiều lần để giải quyết việc chị Trần Thị B xin ly hôn, nhưng anh T vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết.

Qua xác minh tại địa phương (UBND phường Quảng T) thì anh Võ Quốc T đang có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Xác minh tại gia đình (bố mẹ đẻ anh T) thì anh Võ Quốc T đều nhận được thông tin do gia đình cung cấp (các văn bản tố tụng) liên quan đến việc giải quyết vụ án mà Tòa án tống đạt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật, không đến tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị B và anh Võ Quốc T;

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Võ Quốc T;

3.Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Võ Trần Ngọc N, sinh ngày 12/01/2014 và Võ Trần Thục L, sinh ngày 23/11/2015 cho chị Trần Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Võ Quốc T đến Tòa án và Ủy ban nhân dân phường Quảng T hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc chị Trần Thị B xin ly hôn, nhưng anh Võ Quốc T vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết.

Qua xác minh tại địa phương (UBND phường Quảng T) thì anh Võ Quốc T đang có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Mặt khác, bố mẹ đẻ của anh T cho biết anh T đã được gia đình cung cấp thông tin (các văn bản tố tụng) về việc giải quyết vụ án do Tòa án tống đạt. Anh Võ Quốc T được Tòa án triệu tập 02 lần đến tham gia tố tụng tại phiên tòa vào các ngày 16/9/2019 và ngày 01/10/2019, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt anh Võ Quốc T là có căn cứ.

Đối với chị Trần Thị B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Võ Quốc T có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng T, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình (Nay là phường Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 10/6/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, anh T không chăm sóc gia đình vợ con. Tháng 7/2017 chị B chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ của chị, từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và giao nộp chứng cứ cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản cho Tòa án biết. Chứng tỏ anh T cũng chẳng tha thiết gì đến việc xây dựng cuộc sống hạnh phúc gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Võ Quốc T là có cơ sở.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị B và anh Võ Quốc T có hai con chung là Võ Trần Ngọc N, sinh ngày 12/01/2014 và Võ Trần Thục L, sinh ngày 23/11/2015 hiện đang được chị B chăm sóc nuôi dưỡng, sau ly hôn chị B có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, đồng thời yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi các con chung trưởng thành. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị B là chính đáng, cần được chấp nhận và cũng phù hợp Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có

[5] Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị B phải chịu theo luật định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị B và anh Võ Quốc T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị B và anh Võ Quốc T được ly hôn nhau.

3. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Võ Trần Ngọc N, sinh ngày 12/01/2014 và Võ Trần Thục L, sinh ngày 23/11/2015 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 10/2019 đến khi các con chung trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

4. Về án phí: Chị Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002383 ngày 16 tháng 7 năm 2019. (Chị Trần Thị B đã nộp đủ tiền án phí); anh Võ Quốc T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án do Tòa án tống đạt hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi họ thường trú./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- UBND phường Quảng T;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương